

TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận.
- Biết cách thức và có kĩ năng tóm tắt văn bản nghị luận.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Tóm tắt văn bản đã học ở lớp 10, đó là tóm tắt văn bản tự sự và văn bản thuyết minh. Lên lớp 11 HS tiếp tục học tóm tắt văn bản nghị luận.

b) Tóm tắt văn bản nghị luận là một hình thức kết hợp đọc - hiểu văn bản và làm văn : đọc - hiểu trước rồi viết văn bản tóm tắt (hoặc là tóm tắt miệng).

Do đặt trọng tâm ở thực hành, nên nội dung lí thuyết cần trình bày rất ngắn gọn, dành nhiều thời gian cho luyện tập, thực hành. Vì thế, thời gian trên lớp GV cũng không nên dừng lâu với các vấn đề lí thuyết, mà chỉ nêu những nguyên tắc chung, sao cho HS dễ hiểu, dễ nhớ.

c) Văn bản tóm tắt phải ngắn gọn, khách quan, trung thành với tư tưởng của văn bản được tóm tắt. Phương pháp tóm tắt ở SGK nêu ra bốn điểm và một ví dụ tóm tắt bài văn nghị luận vừa học.

Ở đây xin lưu ý thêm mấy điểm sau :

– Khi đọc văn bản cần tóm tắt, HS phải chỉ ra được những câu chủ đề của bài văn. Nắm được các câu văn đó, người tóm tắt có thể chủ động tóm tắt. Có khi công việc tóm tắt chỉ là nêu ra câu văn quan trọng nhất, thấu tóm tư tưởng của bài văn ấy. Ví dụ bài tóm tắt văn bản *Vẻ luân lí xã hội ở nước ta* của Phan Châu Trinh gồm ba đoạn nhỏ. Ta có thể dựa vào các câu chủ đề của bài tóm tắt mà viết lại thành mấy dòng sau :

Luân lí xã hội ở nước ta tuyệt nhiên chưa có. Đó là do thiếu ý thức đoàn thể, chưa biết giữ quyền lợi chung, chưa biết bênh vực nhau. Nay nước Việt Nam muốn được tự do, độc lập thì trước hết phải tuyên truyền xã hội chủ nghĩa, phải có đoàn thể để lo công ích, mọi người lo cho quyền lợi của nhau.

– Cần biết tóm tắt thành nhiều bậc : tóm tắt dài, tóm tắt ngắn, giúp HS biết tước bỏ bớt các phần bề ngoài để tìm thấy cái lõi tư tưởng của bài văn cần tóm tắt. Tóm tắt văn bản nghị luận tương đối đơn giản hơn tóm tắt văn bản tự sự. Ở đây chỉ cần nắm đúng được các câu chủ đề là có thể thực hiện việc tóm tắt. Công việc còn lại là nối các câu chủ đề ấy lại với nhau sao cho lô gích.

2. Về phương pháp

Lí thuyết tóm tắt văn bản nghị luận không có gì nhiều, nhưng tóm tắt văn bản nghị luận có khác với tóm tắt văn bản tự sự và thuyết minh. GV lưu ý chỗ khác đó cho HS biết.

Tổ chức cho HS phát biểu ý kiến tóm tắt. Càng nhiều HS phát biểu càng tốt.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

Cho HS biết nội dung và tính chất của tiết học là kết hợp đọc - hiểu với làm văn, trọng tâm đặt ở việc thực hành.

2. Phần nội dung chính

a) Mục đích, yêu cầu tóm tắt văn bản nghị luận

Nêu câu hỏi : HS đã học bài tóm tắt gì ? Hãy cho biết : Tóm tắt là gì. Gọi HS trả lời : Tóm tắt nhằm mục đích gì ? (HS đã học tóm tắt ở THCS và ở SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao*).

b) Phương pháp tóm tắt văn bản nghị luận

Nêu câu hỏi về phương pháp tóm tắt nói chung và cách tóm tắt văn bản nghị luận. GV dựa vào SGK mà tổng kết, nhấn mạnh các điểm đã ghi trong *Những điểm cần lưu ý*.

c) Thực hành tóm tắt

– Thực hành : Cho HS đọc ví dụ tóm tắt bài *Về luận lí xã hội ở nước ta* và nhận xét bản tóm tắt này so với bài văn vừa học có đạt yêu cầu tóm tắt không (ngắn gọn, trung thành với nguyên bản, khách quan, nổi bật).

– Nêu câu hỏi : Có thể tóm tắt ngắn hơn được nữa không ? Cho HS trả lời. GV đọc bản tóm tắt bốn dòng trong SGK. Cho HS nhận xét : Ý gì vẫn giữ lại trong văn bản tóm tắt ngắn, ý gì đã bỏ bớt đi, như vậy có hợp lí không.

d) Tóm tắt đoạn trích *Một thời đại trong thi ca*

Đoạn trích có hai mươi một đoạn (đoạn xuống dòng). GV chia từng bước, hướng dẫn HS tóm tắt. Có thể tham khảo bản tóm tắt sau trong khoảng mười lăm dòng.

(1) Đoạn trích đặt nhiệm vụ đi tìm "tinh thần thơ mới". (2) Bởi vì các thời đại liên tiếp cùng nhau (hiểu là liên tục tiếp nối nhau, trong cái cũ có cái mới, trong cái mới còn có cái cũ) cho nên phải tìm cái chung của mỗi thời đại (Hoài Thanh nói là cái "đại thể"). (3) Xã hội Việt Nam xưa không có cá nhân, chỉ có đoàn thể. (4) Cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như một giọt nước trong biển cả. (5) Cũng có những bậc kì tài để cho *cái tôi* xuất đầu lộ diện. (6) Họ dùng chữ *tôi* để nói chuyện với người khác chứ tuyệt không để nói với mình. (7) Bởi họ cầu cứu đến đoàn thể để trốn cô đơn. (8) Khi chữ *tôi* xuất hiện với cái nghĩa tuyệt đối của nó trên thi đàn Việt Nam gây khó chịu cho bao nhiêu người. (9) Khi nhìn đã quen thì *cái tôi* đó thật tội nghiệp, thi nhân mất hết cái cốt cách từ trước. (10) Tâm hồn họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ *tôi*. (11) Bi kịch của *cái tôi* là đi đâu cũng không thoát khỏi sự

bơ vơ, cô đơn. (12) Phương Tây đã trao trả hồn ta lại cho ta, nhưng ta thiếu một niềm tin đầy đủ. (13) Họ gửi tất cả bi kịch vào tiếng Việt. (14) Họ tìm thấy linh hồn nòi giống trong tiếng Việt. (15) Họ tìm về dĩ vãng để vin vào những bất diệt đủ đảm bảo cho ngày mai.

đ) Tóm tắt văn bản *Nghĩ về câu cách ngôn* : "*Không có gì thuộc về con người mà xa lạ đối với tôi*".

GV yêu cầu HS cho biết văn bản có mấy đoạn (đoạn xuống dòng). Phân công mỗi HS đọc thầm và tóm tắt một đoạn thành một câu, viết ra giấy. Sau đó gọi các HS lần lượt đọc câu tóm tắt của mình. GV thực hiện kết nối, sửa chữa. GV có thể tham khảo bản tóm tắt sau :

Câu cách ngôn : "*Không có gì thuộc về con người mà xa lạ đối với tôi*" biểu thị : bất cứ ai sử dụng nó đều tự khẳng định "*Tôi thuộc về nhân loại*". Cái thuộc về con người bao gồm mọi ước mơ về cuộc sống tốt đẹp, một cuộc sống làm con người gần gũi nhau. Cái thuộc về con người còn là những sai lầm mà con người không ai tránh được, là những hạn chế về tri thức mà không ai biết hết được. Con người có đặc điểm là biết hiểu người khác. Mỗi người trong nhân loại lại đều khác nhau, đều có cá tính riêng không ai giống ai, cần được tôn trọng. Con người còn có những nỗi buồn riêng cần được chia sẻ. Câu cách ngôn thể hiện tiếng nói chung của con người, khẳng định khát vọng được đồng cảm và được hoà nhập. Với câu cách ngôn đó, ở đâu ta cũng có thể tìm thấy bạn bè.